TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2025/DS-ST
Ngày: 14-7-2025
V/v Tranh chấp về hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Hải Quỳnh Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Lợi;

2. Ông Phạm Thế Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mến – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1619/2024/TLST- DS ngày 04 tháng 10 năm 2024 về "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4537/2025/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 5690/2025/QĐST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á

Địa chỉ trụ sở: Số D đường N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh N - Địa chỉ liên hệ: Lầu H Tòa nhà A, Số D - 446 đường C, phường N, Thành phố Hồ Chí Minh *(có đề nghị vắng mặt)*

- Bị đơn: Bà Phạm Thị Thu T *(vắng mặt)*

Địa chỉ thường trú: Số E đường T, phường T (trước là phường T, Quận A), Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số A đường P, phường T (trước là phường L, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á trình bày Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á (từ đây viết là "Ngân hàng") cấp tín dụng cho bà Phạm Thị Thu T thẻ tín dụng số 4365991000559253 tháng 12/2020 loại thẻ Visa Platinum hạn mức thẻ 50.000.000đồng, hiệu lực thẻ tháng 12/2023, lãi suất (trong hạn, quá hạn), phí theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – là một phần không tách rời của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của bà T ký ngày 01/12/2020, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, các văn bản khác của bà T ký với Ngân hàng về việc sử dụng thẻ tín dụng. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng, ngày 20/4/2023, Ngân hàng đã chuyển khoản thẻ sang nợ quá hạn đồng thời chấm dứt việc sử dụng thẻ và thu hồi toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán của bà T. Ngày 31/8/2023, Ngân hàng ra Thông báo chuyển nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ đối với thẻ tín dụng nêu trên. Tính đến ngày 02/5/2024, bà T còn nợ Ngân hàng vốn gốc là 56.659.227đồng, lãi quá hạn là 21.054.486đồng. Ngày 28/5/2024, Ngân hàng nộp Đơn khởi kiện yêu cầu bà T trả cho Ngân hàng tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 02/5/2024 là 77.713.713đồng trong đó tiền nợ gốc là 56.659.227đồng, tiền lãi là 21.054.486đồng và phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng tính kể từ ngày 03/5/2024 đến ngày trả hết nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đề nghị vắng mặt, Bị đơn vắng mặt. Tuy nhiên tại Bản tự khai đề ngày 14/7/2025, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh N trình bày nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bà T phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền còn thiếu tính đến ngày 14/7/2025 là 102.664.636đồng trong đó vốn gốc là 56.659.227đồng, tiền lãi quá hạn là 46.005.409đồng và bà T còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của nguyên đơn kể từ ngày 15/7/2025 đến ngày trả hết nợ. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật; xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền, tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, tống đạt và thông báo văn bản tố tụng đúng quy định pháp luật; về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á – là tổ chức tín dụng - khởi kiện bà Phạm Thị Thu T do vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng" ký kết giữa bà T và Ngân hàng. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "Tranh chấp về Hợp đồng tín dụng".

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Tại thời điểm bà T ký kết "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng", bà T ghi nơi ở hiện tại là 1200 đường P, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh do đó Ngân hàng đã nộp Đơn khởi kiện bà T tại Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập nhưng bà T không đến Tòa án. Tiến hành thủ tục xác minh nơi cư trú của bà T tại Ban chỉ huy Công an phường L xác định tại phường hiện không có công dân tên Phạm Thị Thu T đăng ký thường trú, tạm trú; xác minh tại Công an phường T có bà Thu T đăng ký thường trú nhưng không thực tế cư ngụ, đi đâu không rõ. Đối chiếu nội dung địa chỉ bà T tại Đơn khởi kiện, tại "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng" với kết quả xác minh của Công an và điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh).

[1.3] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng có đề nghị vắng mặt, bà T đã được Toà án triệu tập thông qua thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á yêu cầu bà T thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc do vi phạm thỏa thuận tính đến ngày 14/7/2025 là 56.659.227đồng. Ngân hàng khởi kiện bà T, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà T đến Tòa để tham gia tố tụng, giải quyết vụ án nhưng bà T không đến. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu chứng cứ do Ngân hàng giao nộp, Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015 về Nghĩa vụ trả nợ của bên vay, chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của Ngân hàng.

[2.2] Tại "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng", bà T xác định *"...đã đọc, hiểu rõ và đồng ý bị ràng buộc bởi Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng cá nhân... của Ngân hàng Á*". Đối chiếu quy định tại Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng và tại Quy định biểu phí lãi suất của Ngân hàng với bảng kê tính lãi đến ngày 14/7/2025 của Ngân hàng nộp. Căn cứ thỏa thuận của các bên với Bảng kê tính lãi do Ngân hàng giao nộp và Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, Điều 91 của Luật Các Tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu

của Ngân hàng về việc buộc bà T phải trả cho Ngân hàng số tiền lãi tính đến ngày 15/7/2025 là 46.005.409đồng.

Từ [2.1] và [2.2], tính đến ngày 14/7/2025, bà T phải thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng là 102.664.636đồng.

[3] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bà T phải chịu án phí dân sự: 102.664.636đồng x 5% = 5.133.232đồng; Ngân hàng không phải chịu án phí, trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh được Hội đồng xét xử chấp nhận như nhận định trên

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 180 và Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 357, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Điều 4, Điều 91 của Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng Dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp lại đơn khởi kiện lại vụ án;

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á: Buộc bà Phạm Thị Thu T thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á số tiền nợ gốc là 56.659.227đ (Năm mươi sáu triệu, sáu trăm năm mươi chín ngàn, hai trăm hai mươi bảy đồng), tiền lãi tính đến ngày 14/7/2025 là 46.005.409đ (Bốn mươi sáu triệu, không trăm lẻ năm ngàn, bốn trăm lẻ chín đồng),

tổng cộng tính đến ngày 14/7/2025 là 102.664.636đ (Một trăm lẻ hai triệu, sáu trăm sáu mươi bốn ngàn, sáu trăm ba mươi sáu đồng).

Buộc bà Phạm Thị Thu T có nghĩa vụ tiếp tục trả tiền lãi phát sinh tính từ ngày 15/7/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng" ngày 02/12/2020 và Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Việc thanh toán do bà Phạm Thị Thu T và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á tự thực hiện hoặc thực hiện tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Thu T phải chịu án phí là 5.133.232đ (Năm triệu, một trăm ba mươi ba ngàn, hai trăm ba mươi hai đồng). Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.942.843đ (Một triệu, chín trăm bốn mươi hai ngàn, tám trăm bốn mươi ba đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0043764 ngày 03/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 2 Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á, bà Phạm Thị Thu T được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ Bản án. Viện kiểm dân nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định pháp luật.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân KV2-TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 2 TP.HCM);
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lưu Hải Quỳnh Anh